TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 5 – 2019.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nam**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Công Gia.**
2. Ông **Trịnh Ngọc Thành.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng Th – sinh năm: 1978.
Địa chỉ: 132 Tổ 6, Ấp PT, xã PB, huyện TP, Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Đinh Văn N – sinh năm: 1968.
Địa chỉ: 132 Tổ 6, Ấp PT, xã PB, huyện TP, Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A – chi nhánh huyện TP.
Địa chỉ: Khu 9, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Huy Đ – chức vụ: Giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Anh T – sinh năm: 1979; Địa chỉ: Khu 8, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh. (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2019)

(Chị Th, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng Th trình bày:

Chị và anh Đinh Văn N tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2003 và được UBND xã PB cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2003. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do việc làm ăn kinh tế gia đình thất bại nên anh N thường xuyên uống rượu và chửi mắng vợ con. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, căng thẳng. Từ giữa năm 2018 chị và anh N sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung là:

- Đinh Ngọc L – sinh ngày: 01/11/2004.
- Đinh Hoài P – sinh ngày: 12/12/2008.
- Nguyễn Minh K – sinh ngày: 13/3/2019.

Từ khi chị và anh N ly thân nhau đến nay, các con chung sống cùng chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/5/2019, chị đồng ý giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng để phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung: Chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị và anh N có nợ Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP số nợ gốc là 275.000.000đ và lãi suất phát sinh. Ngày 17/5/2019, chị và anh N đã thanh toán xong số nợ trên cho Ngân hàng nên hiện tại chị và anh N không có nợ chung.

Tại các biên bản lấy lời khai các ngày 27/02/2019, 12/4/2019, bị đơn anh Đinh Văn N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Mộng Th tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2003 và được Ủy ban nhân dân xã PB cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/4/2004. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Th có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ngoài ra, do anh làm ăn thua lỗ, nợ nần nên chị Th không chấp nhận hoàn cảnh kinh tế của anh. Do đó cuộc sống chung không hạnh phúc, thỉnh thoảng có cãi vã nhau. Từ tháng 9/2018 vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Thường yêu cầu ly hôn, do anh vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Th có 03 con chung là:

- Đinh Ngọc L – sinh ngày: 01/11/2004.
- Đinh Hoài P – sinh ngày: 12/12/2008.
- Nguyễn Minh K – sinh ngày: 13/3/2019.

Từ khi anh và chị Th sống ly thân nhau đến nay, con chung sống cùng chị Th. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu L, Phương và đồng ý giao cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Th có nợ Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP số nợ gốc là 275.000.000đ và lãi suất phát sinh. Anh đồng ý vợ chồng có trách nhiệm thanh toán chung khoản nợ trên.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP do anh Nguyễn Anh T trình bày:

Vào ngày 31/01/2018, Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP có ký hợp đồng tín dụng cho anh N và chị Th vay số tiền 360.000.000đ, mục đích: Bù đắp chi phí sửa nhà, mua xe máy và vật dụng gia đình. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 12%/năm. Anh N và chị Th đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.380m^2 tại thửa 172 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã PB do anh N đứng tên quyền sử dụng để bảo đảm cho khoản vay trên.

Từ khi vay đến nay, anh N và chị Th đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 85.000.000đ, còn nợ 275.000.000đ tiền gốc và 47.483.000đ tiền lãi (tính đến ngày 31/01/2019).

Nay Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP yêu cầu anh N và chị Th có trách nhiệm thanh toán 275.000.000đ tiền gốc và 47.483.000đ tiền lãi (tính đến ngày 31/01/2019), tổng cộng là 322.483.000đ. Trong trường hợp anh N và chị Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ sau:

Chị Th đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị Th và anh N (bản sao); Sổ hộ khẩu chị Th và anh N (bản sao); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của các con chung (bản sao); Giấy xác nhận thu nhập hàng tháng của chị Th (bản chính).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Bảng tính gốc và lãi phải trả (bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (bản sao); Quyết định số 52 ngày 30/8/1993 (bản sao); Quyết định số 509/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 (bản sao y); Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 (bản sao y); Lịch sử giao dịch tiền vay (bản chính); Hợp đồng tín dụng (bản sao y); Báo cáo thẩm định (bản sao y); Giấy ủy quyền (bản sao y); Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản sao y); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (bản sao y); Biên bản xử lý nợ xấu (bản sao y); Báo cáo đề xuất giải ngân (bản sao y); Biên bản xác định lại giá trị tài sản bảo đảm (bản sao y); Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống (bản sao y); Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay (bản sao y); Bảng chiết tính chi phí sửa chữa nhà và mua vật dụng gia đình (bản sao y); Biên bản xác định lại giá trị tài sản bảo đảm (bản sao y); Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm (bản sao y); Biên bản kiểm tra sau khi cho vay (bản sao y); Phụ lục bổ sung, sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản (bản sao y); Biên bản xử lý nợ xấu (bản sao y); Biên bản

xử lý nợ quá hạn tiền vay ngân hàng (bản sao y); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao y).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản thể hiện nguyện vọng của con chung đối với cháu Đinh Ngọc L và cháu Đinh Hoài P; Biên bản xác minh ngày 26/02/2019 đối với ông Bùi Văn H; Biên bản xác minh ngày 27/02/2019 đối với ông Vũ Văn M; Biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2019 đối với anh Đinh Văn N; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2019; Biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2019 đối với chị Nguyễn Thị Mộng Th; Biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2019 đối với anh Đinh Văn N.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị Th và anh N đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th, cho chị Nguyễn Thị Mộng Th được ly hôn với anh Đinh Văn N.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Đinh Hoài P – sinh ngày: 12/12/2008, Nguyễn Minh K – sinh ngày: 13/3/2019 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao 01 con chung là cháu Đinh Ngọc L – sinh ngày: 01/11/2004 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị Th và anh N không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm thanh toán nợ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP do đương sự tự nguyện rút đơn khởi kiện.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng Th phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Trả lại cho Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Đinh Văn N. Anh N đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thị Mộng Th, anh Đinh Văn N và Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP (anh Nguyễn Anh T là đại diện hợp pháp) là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Th và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh N tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PB vào ngày 30/12/2003. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, nay chị Th yêu cầu ly hôn với anh N thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Th yêu cầu ly hôn do làm ăn kinh tế thất bại nên anh N chán nản, thường xuyên uống rượu. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do làm ăn kinh tế thất bại, vợ chồng không cùng nhau quan tâm xây dựng cuộc sống. Chị Th và anh N đều thừa nhận trong cuộc sống chung thường xuyên cãi vã và từ tháng 11/2018 đến nay anh chị sống ly thân nhau. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 66 – 67).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị Th có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Th là cho chị được ly hôn với anh N là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh N có 03 con chung là:

- Đinh Ngọc L – sinh ngày: 01/11/2004.
- Đinh Hoài P – sinh ngày: 12/12/2008.
- Nguyễn Minh K – sinh ngày: 13/3/2019.

Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu P, Khang, đồng ý giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, Phương, đồng ý giao cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con

theo quy định của pháp luật. Cháu L có nguyện vọng sống cùng anh N, cháu P có nguyện vọng sống cùng chị Th.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với việc nuôi dưỡng cháu L và cháu K: Chị Th và anh N đều đồng ý giao 02 cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ý kiến trên phù hợp với nguyện vọng của cháu P.

Đối với việc nuôi dưỡng cháu P: Chị Th và anh N đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, xét chị Th có công việc, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hơn; bản thân cháu P cũng có nguyện vọng sống cùng chị Th.

Vì vậy giao cháu P và cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do chị Th và anh N đều trực tiếp nuôi con nên tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Chị Th và anh N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP khởi kiện anh N và chị Th phải có trách nhiệm thanh toán 275.000.000đ tiền gốc và 47.483.000đ tiền lãi (tính đến ngày 31/01/2019), tổng cộng là 322.483.000đ.

Đến ngày 17/5/2019, chị Th và anh N đã thanh toán xong cho Ngân hàng. Ngày 28/5/2019, Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm thanh toán nợ. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, chị Th và anh N kê khai không có nợ chung nào khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Mộng Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Trả lại cho Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.062.000đ (Tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng Th.

Cho chị Nguyễn Thị Mộng Th được ly hôn anh Đinh Văn N.

2. Về con chung: Chị Th và anh N có 03 con chung là:

- Đinh Ngọc L – sinh ngày: 01/11/2004.
- Đinh Hoài P – sinh ngày: 12/12/2008.
- Nguyễn Minh K – sinh ngày: 13/3/2019.

Giao cháu Đinh Ngọc L cho anh Đinh Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao 02 cháu Đinh Hoài P và Nguyễn Minh K cho chị Nguyễn Thị Mộng Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Th và anh N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm thanh toán số nợ 275.000.000đ tiền gốc và 47.483.000đ tiền lãi (tính đến ngày 31/01/2019), tổng cộng là 322.483.000đ của Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP đối với chị Nguyễn Thị Mộng Th và anh Đinh Văn N.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008355 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Trả lại cho Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP số tiền 8.062.000đ (Tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 006492 ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Th, anh N, Ngân hàng A - chi nhánh huyện TP có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã PB: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 82, cấp ngày 30/12/2003);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam